

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG CẤP CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 142/2017/TT-BQP ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Quốc phòng)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CẤP
TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO Công tác an toàn, vệ sinh lao động Kỳ báo cáo:.....năm.....

TT	CHỈ TIÊU VỀ AT, VSLĐ TRONG KỲ BÁO CÁO	ĐVT	SỐ LIỆU
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lao động: 1.1. Tổng số lao động Trong đó tổng số lao động nữ. 1.2. Số lao động làm việc trực tiếp Trong đó: - Tổng số lao động nữ; - Số lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV, V, VI).	người -nt- -nt- -nt- -nt-	
2	Tổ chức, biên chế làm công tác bảo hộ lao động - Số người làm công tác an toàn, bảo hộ lao động trong đó:	Người	

	+ Chuyên trách; + Bán chuyên trách; + Quân y. - Số lượng an toàn-vệ sinh viên.	-nt- -nt- -nt- -nt-	
3	Tai nạn lao động - Tổng số vụ tai nạn lao động trong đó: + Số vụ có người chết. - Tổng số người bị tai nạn lao động trong đó: + Số người chết vì tai nạn lao động. - Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...); - Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền); - Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động.	vụ -nt- người -nt- triệu (đồng) triệu (đồng) ngày	
4	Bệnh nghề nghiệp - Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp; Trong đó số người mới mắc bệnh nghề nghiệp; - Số ngày công nghỉ việc vì bệnh nghề nghiệp; - Số người phải nghỉ hưu trước tuổi vì bệnh nghề nghiệp; - Tổng chi phí cho người mắc BNN phát sinh trong năm (các khoản này không tính trong kế hoạch bảo hộ lao động: Điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...).	người -nt- -nt- -nt- triệu (đồng)	
5	Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động - Tổng số người chỉ huy (người sử dụng lao động) được huấn luyện/Tổng số người chỉ huy hiện có; - Tổng số cán bộ an toàn vệ sinh viên được huấn luyện/Tổng số cán bộ an toàn vệ sinh viên hiện có;	người -nt-	

	- Tổng số an toàn vệ sinh viên được huấn luyện/Tổng số an toàn vệ sinh viên hiện có; - Số người được cấp thẻ an toàn/Tổng số người lao động làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động; - Tổng số người được huấn luyện; + Trong đó tổng số người được huấn luyện lại. - Tổng chi phí huấn luyện: (chi phí này nằm trong kế hoạch BHLĐ mục tuyên truyền, huấn luyện).	-nt- -nt- -nt- -nt- triệu (đồng)	
6	Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ - Tổng số Trong đó: + Số đã được đăng ký; + Số đã được kiểm định.	cái -nt- -nt-	
7	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi - Số giờ làm thêm bình quân/ngày/người; - Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng/người; - Số ngày làm thêm bình quân/năm/người.	giờ ngày -nt-	
8	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật - Tổng số người; - Tổng chi phí (chi phí này nằm trong chi phí chăm sóc sức khỏe).	người triệu (đồng)	
9	Tổng chi phí cho công tác an toàn, vệ sinh lao động - Thiết bị an toàn - vệ sinh lao động; - Quy trình, biện pháp cải thiện điều kiện lao động; - Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;	triệu (đồng) -nt- -nt-	

	- Bồi dưỡng bằng hiện vật; - Tuyên truyền, huấn luyện; - Phòng cháy, chữa cháy; - Chi phí bồi thường cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; - Chi phí khác.	-nt- - triệu (đồng) -nt- -nt-	
10	Tình hình đo đạc môi trường lao động - Số mẫu đo môi trường lao động; - Số mẫu đo không đạt tiêu chuẩn; - Tỷ lệ mẫu đo không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo trong đó: + Chật chội; + Ẩm ướt; + Nóng quá; + Lạnh quá; + Ôn; + Rung; + Bụi; + Hơi khí độc; + Điện từ trường; + Bức xạ lon hóa.	- mẫu -nt- - mẫu/mẫu -nt- -nt- -nt- -nt- -nt- -nt- -nt- -nt- -nt-	
11	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động (ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) - Loại I;	- người -nt-	

	- Loại II;	-nt-	
	- Loại III;	-nt-	
	- Loại IV;	-nt-	
	- Loại V.	-nt-	
12	Đánh giá của đơn vị về điều kiện lao động		
	- Tốt;		
	- Trung bình;		
	- Xấu;		
	- Rất xấu.		
13	Đề xuất, kiến nghị		

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận: